

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Hệ thống lò đốt rác thải xã An Hòa, huyện An Lão
của Ủy ban nhân dân huyện An Lão**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Hệ thống lò đốt rác thải xã An Hòa, huyện An Lão của Ủy ban nhân dân huyện An Lão tại Biên bản phiên họp chính thức Hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM ngày 15/12/2021;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của dự án Hệ thống lò đốt rác thải xã An Hòa, huyện An Lão đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 824/UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban nhân dân huyện An Lão;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 605/TTr-STNMT ngày 27/7/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo ĐTM dự án Hệ thống lò đốt rác thải xã An Hòa, huyện An Lão (sau đây gọi là Dự án) của Ủy ban nhân dân huyện An Lão (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã An Hòa, huyện An Lão với các nội dung chính tại Phụ lục đính kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm của Chủ dự án

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt Báo cáo ĐTM của Dự án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã An Hòa theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này.

3. Xây dựng, hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường; bàn giao cho đơn vị quản lý, vận hành Dự án. Đồng thời, hướng dẫn đơn vị tiếp nhận quản lý vận hành thường xuyên, đúng quy trình vận hành lò đốt theo QCVN61-MT:2016/BTNMT, quy trình vận hành các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

4. Chịu trách nhiệm khắc phục các sự cố, rủi ro môi trường trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của dự án; bồi thường mọi thiệt hại về kinh tế, môi trường do quá trình thi công, xây dựng và hoạt động dự án gây ra.

5. Lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt sau khi đã hoàn thành công trình xử lý chất thải cho toàn bộ Dự án hoặc cho hạng mục công trình xử lý chất thải độc lập của Dự án.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện An Lão;
- UBND xã An Hòa;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
DỰ ÁN HỆ THỐNG LÒ ĐỐT RÁC THẢI XÃ AN HÒA, HUYỆN AN LÃO
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Tên dự án: Hệ thống lò đốt rác thải xã An Hòa, huyện An Lão.

1.2. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện An Lão.

1.3. Địa chỉ trụ sở: thị trấn An Lão, huyện An Lão, tỉnh Bình Định.

1.4. Địa điểm thực hiện: xã An Hòa, huyện An Lão, tỉnh Bình Định.

1.5. Quy mô, công suất:

- Dự án có diện tích là 22,574,10 m².

- Xây dựng 01 lò đốt rác thải sinh hoạt có công suất là 1000 kg/giờ.

1.6. Công nghệ: các thông số kỹ thuật cơ bản của lò đốt theo QCVN61-MT:2016/BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Lò đốt gồm 2 buồng đốt sơ cấp và thứ cấp được thực hiện theo nguyên lý nhiệt phân và đốt ở nhiệt độ cao nhằm phân hủy hoàn toàn rác thải.

- Quy trình hoạt động: rác sinh hoạt sau khi phân loại sơ bộ (thủ công và cơ giới) được tiếp tục xử lý như sau:

+ Lò đốt rác: Rác thải hữu cơ và vô cơ → Băng tải và pít tông đẩy → Buồng đốt → Tro, xỉ.

+ Rác thải tái sử dụng (chai nhựa, vỏ lon) được thu gom và chuyển giao cho các đơn vị tái chế.

+ Rác thải tro (bao gồm sành, sứ, xà bần, gạch vỡ,...) và tro xỉ từ lò đốt được chôn lấp tại 02 hố chôn lấp rác thải của dự án.

1.7. Các hạng mục, công trình chính của dự án: 01 nhà điều hành, 01 nhà xưởng phân loại và xử lý rác, 01 lò đốt rác, 01 sân phơi rác, 02 hố chôn lấp rác thải tro và tro (có mái che), xỉ, 01 hệ thống xử lý nước thải và 01 hệ thống xử lý khí thải.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

- Giai đoạn thi công: nước mưa chảy tràn, nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại, bụi và khí thải.

- Giai đoạn hoạt động: nước mưa chảy tràn, nước thải sinh hoạt, nước rỉ rác; chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại; mùi hôi, khí thải lò đốt; bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải; tiếng ồn.

2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a. Giai đoạn thi công xây dựng

- Bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu; bụi từ hoạt động thi công và quá trình tập kết nguyên vật liệu, xây dựng công trình; khí thải phát sinh từ hoạt động hàn cắt.

- Tính chất của bụi, khí thải: ở trạng thái rắn, khí.

b. Giai đoạn hoạt động

- Bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển rác sinh hoạt; mùi hôi từ quá trình tập kết, phân loại và xử lý rác; bụi và khí thải phát sinh từ lò đốt.

- Tính chất của bụi, khí thải: ở trạng thái rắn, khí.

2.3. Quy mô, tính chất của nước thải

a. Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng $1,1 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Nước thải xây dựng từ quá trình rửa thiết bị thi công phát sinh với lưu lượng khoảng $3,0 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Thành phần các chất ô nhiễm chủ yếu bao gồm các chất cặn bã, chất lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, các chất dinh dưỡng, chất hoạt động bề mặt, vi sinh vật...

b. Giai đoạn hoạt động

- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng $0,3 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Nước rỉ rác từ quá trình tập kết rác tại khu vực nhà xưởng phân loại và xử lý rác, sân phơi rác phát sinh với lưu lượng khoảng $0,9 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Nước thải từ quá trình vệ sinh nhà xưởng phân loại và xử lý rác, sân phơi rác phát sinh với lưu lượng khoảng $0,7 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Nước thải phát sinh từ quá trình rửa xe vận chuyển rác phát sinh với lưu lượng khoảng $1,2 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Nước xả cặn từ bể sữa vôi của hệ thống xử lý khí thải phát sinh với lưu lượng khoảng $6,3 \text{ m}^3/\text{tháng}$.

- Thành phần các chất ô nhiễm chủ yếu bao gồm chất cặn bã, chất lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, các chất dinh dưỡng, chất hoạt động bề mặt, vi sinh vật...

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn (CTR) công nghiệp thông thường

a. Giai đoạn thi công xây dựng

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh với khối lượng khoảng $17 \text{ kg}/\text{ngày}$.

- Chất thải rắn xây dựng bao gồm gạch vỡ, đá, xi măng, sắt thép, giấy, bao xi măng, xà bần,... phát sinh với khối lượng khoảng 20 – 40 kg/ngày.

b. Giai đoạn hoạt động

- CTR sinh hoạt từ hoạt động của công nhân phát sinh với khối lượng khoảng 6,85 kg/ngày.

- Rác thải tro từ quá trình phân loại rác thải tại nhà máy phát sinh với khối lượng khoảng 298 tấn/năm.

- Tro, xỉ từ quá trình đốt rác thải phát sinh với khối lượng khoảng 486 tấn/năm.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải phát sinh với khối lượng khoảng 0,01 m³/ngày.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại (CTNH):

a. Giai đoạn thi công xây dựng: gồm dầu mỡ, giẻ lau dính dầu mỡ, pin, ắc quy chì thải, bóng đèn huỳnh quang thải,... phát sinh với khối lượng khoảng 40 kg/tháng.

b. Giai đoạn hoạt động:

- CTNH gồm pin thải, bóng đèn huỳnh quang thải, giẻ lau dính dầu mỡ,... từ quá trình hoạt động của dự án (bao gồm chất thải nguy hại từ quá trình phân loại rác thải) phát sinh với khối lượng khoảng 380 kg/năm.

- Than hoạt tính từ hệ thống xử lý khí thải lò đốt với khối lượng khoảng 325 kg/năm.

- Tính chất của CTNH: chứa các yếu tố độc hại, dễ cháy, dễ nổ, dễ ăn mòn.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Về xử lý bụi, khí thải

a. Giai đoạn thi công xây dựng

- Phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu: vệ sinh các phương tiện vận chuyển trước khi ra khỏi công trường, có bạt phủ kín không để rơi vãi đất, đá.

- Phun nước giảm thiểu bụi tại khu vực thi công 1 lần/ngày.

b. Giai đoạn hoạt động

- Khí thải phát sinh từ lò đốt rác: khí thải phát sinh được thu gom dẫn về hệ thống xử lý, đạt QCVN 61-MT:2016/BTNMT trước khi thải ra môi trường; khí thải sau xử lý được thoát qua ống khói có đường kính D=0,6m, cao 20,5m.

- Sơ đồ công nghệ xử lý:

Khí thải → Hấp thụ bằng sữa vôi → Tách nước → Hấp phụ bằng than hoạt tính → Khí sạch.

- Quy trình vận hành: hệ thống thiết kế vận hành tự động và hoạt động theo mẻ.

3.2. Về thu gom và xử lý nước thải, nước mưa chảy tràn

a. Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt: sử dụng nhà vệ sinh di động và hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý theo quy định.

- Nước thải xây dựng: được thu gom, lắng bùn cát trước khi thải ra môi trường.

- Nước mưa chảy tràn: tạo các mương thoát nước theo địa hình tự nhiên.

b. Giai đoạn hoạt động

- Nước mưa chảy tràn: hệ thống thu gom, thoát nước mưa thiết kế riêng biệt hệ thống thu gom, thoát nước thải. Toàn bộ nước mưa thu gom bằng mương BTCT hình thang đáy rộng 1 m, chiều dài 370,6 m về các hố ga để thu gom toàn bộ nước mưa chảy tràn trong khu vực dự án, thoát ra cửa xả phía Bắc dự án.

- Nước thải sinh hoạt: được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 5 m³/ngày.đêm của dự án.

- Nước rỉ rác và nước vệ sinh nhà xưởng phân loại và xử lý rác, sân phơi rác, khu vực vệ sinh xe vận chuyển rác và nước xả cặn từ bể sữa vôi của hệ thống xử lý khí thải được thu gom, đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 5 m³/ngày.đêm, xử lý đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT, (Kq=0,9, K_f=1,2).

Sơ đồ công nghệ xử lý như sau:

Nước thải → Hố thu gom → Bể điều hòa → Bể SBR → Bể keo tụ - tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể khử trùng → Mương đất tại khu vực phía Bắc dự án (tọa độ xả thải: 1.611.668; 571.792).

- Quy trình vận hành: hệ thống thiết kế vận hành tự động và hoạt động theo mẻ.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTR công nghiệp thông thường và CTNH:

a. Giai đoạn thi công xây dựng

- Chất thải rắn sinh hoạt: bố trí thùng chứa rác có nắp đậy và thu gom, xử lý theo đúng quy định.

- Chất thải rắn xây dựng: được thu gom, xử lý theo đúng quy định.

- Chất thải nguy hại: thu gom vào các thùng có nắp đậy kín và bố trí lưu vực lưu giữ đảm bảo theo quy định (có mái che...), hợp đồng với đơn vị có chức năng đến vận chuyển và đưa đi xử lý theo đúng quy định.

b. Giai đoạn hoạt động

- Rác thải tro và tro, xỉ: xây dựng 02 hố chôn lấp (có mái che) bằng bê tông cốt thép, đáy có lớp vải địa kỹ thuật có diện tích đáy 100 m^2 , sâu 3 m.

- Chất thải nguy hại (CTNH): bố trí khu vực lưu giữ có diện tích 15 m^2 đảm bảo theo quy định. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định

3.4. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

- Phun các chế phẩm EM hàng ngày để giảm thiểu mùi hôi phát sinh từ nhà xưởng phân loại và xử lý rác, sân phơi rác.

- Thường xuyên bảo dưỡng và kiểm tra máy móc, thiết bị.

- Trồng cây xanh cách ly xung quanh dự án để giảm thiểu mùi hôi phát sinh.

3.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Trang bị đầy đủ các phương tiện phòng cháy chữa cháy: bình chữa cháy cầm tay, họng chữa cháy, bể chứa nước chữa cháy.

- Xây dựng phương án ứng phó sự cố sạt lở vào mùa mưa, bão.

- Vận hành đúng quy trình của hệ thống xử lý khí thải, nước thải; thường xuyên kiểm tra và khắc phục các sự cố; lập sổ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải, khí thải.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

- Hệ thống thu gom thoát nước mưa, nước thải.

- 01 Hệ thống xử lý khí thải lò đốt rác.

- 01 Hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất $5 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- 02 Hố chôn lấp rác thải tro và tro, xỉ (mỗi ô có thể tích 300 m^3 , có mái che).

- 01 Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại có diện tích 15 m^2 .

- Trồng cây xanh với tổng diện tích khoảng là $10.668,38 \text{ m}^2$.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án: thực hiện theo quy định hiện hành.